

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2021
V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nga;
2. Ông Huỳnh Tấn Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2021/QĐXX-ST ngày 23 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 190/2021/QĐTS-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị B, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp 2, xã PL, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Sơn Ngọc T, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp LT, xã LDB, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Lê Thị B trình bày: Bà và ông Sơn Ngọc T cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã LDB, huyện CM hôn nhân do ông bà tự tìm hiểu và được cha mẹ đồng ý. Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường hay cãi nhau nên đã sống ly thân khoảng 03 năm nay. Bà xác định tình cảm không còn yêu cầu ly hôn với Sơn Ngọc T; về con chung: có 01 con chung tên Sơn Thị Thúy V, sinh

ngày 25/01/2009 hiện nay chồng đang chăm sóc, nuôi dưỡng, bà đồng ý để chồng được tiếp tục nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn ông Sơn Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vắng mặt không lý do. Nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của ông về nội dung đơn khởi kiện của bà B.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn từ khi thụ lý và tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là phù hợp Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, xem xét quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị B đối với ông Sơn Ngọc T.

- Ông Sơn Ngọc T được tiếp tục nuôi con chung tên Sơn Thị Thúy V, sinh ngày 25/01/2009. Bà Lê Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Lê Thị B khởi kiện ly hôn với ông Sơn Ngọc T. Ông T có nơi cư trú ấp LT, xã LDB, huyện CM, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Ông Sơn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị B và ông Sơn Ngọc T xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau vào năm 2008 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Ông bà chung sống đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà B trình bày vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường hay cãi nhau nên đã sống ly thân khoảng 03 năm nay. Bà xác định tình cảm không thể tồn tại và hàn gắn được; cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Sơn Ngọc T. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Sơn Ngọc T đã được tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà B khởi kiện yêu cầu ly hôn và thông báo đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà B và vắng mặt không lý do. Điều này thể hiện vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị B là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị B xác định vợ chồng có 01 con chung tên Sơn Thị Thúy V, sinh ngày 25/01/2009 hiện đang sống với ông T. Bà B đồng ý để ông T được tiếp tục nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ lúc vợ chồng ly thân đến nay ông T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nên tình cảm tâm tư gắn liền với người nuôi dưỡng. Tòa án đã yêu cầu ông T đưa cháu Vy đến Tòa án để ghi nhận ý kiến nhưng ông T không thực hiện. Mặc khác, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ tại địa phương, cháu Vy vắng mặt tại nhà nên không ghi nhận được ý kiến của cháu và hiện nay cháu do ông T chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu vẫn phát triển bình thường. Bà B đồng ý giao hai con cho ông T nuôi dưỡng, ông T không có ý kiến, nên cần ổn định cuộc sống cho cháu, nghĩ nên tiếp tục giao cháu Vy cho ông T chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình. Do ông T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do bà B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B và xử như sau:

Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị B được ly hôn với ông Sơn Ngọc T. Giấy chứng nhận kết hôn số 182 do Ủy ban nhân dân xã LDB, huyện CM, tỉnh An Giang cấp ngày 08/9/2016 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Ông Sơn Ngọc T được tiếp tục nuôi con chung tên Sơn Thị Thúy V, sinh ngày 25/01/2009, bà Lê Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Sơn Ngọc T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Lê Thị B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Lê Thị B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009172 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh An Giang cấp ngày 06/01/2021. Bà Lê Thị B đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. CM;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. CM;
- UBND xã LDB, h. CM, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Văn Dương

